

Bản án số: 57/2019/HSST
Ngày: 31/10/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MUỜNG TÈ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đỗ Mạnh Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Viết Ánh, Ông Pờ Pó Chừ

Thư ký phiên toà: Bà Lâm Thị Tuyết, Thư ký Toà án nhân dân huyện Muờng tè, tỉnh Lai Châu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Muờng Tè tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Thanh, kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Muờng Tè, tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 59/2019/HSST, ngày 04 tháng 10 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2019/QĐXXST –HS, ngày 18 tháng 10 năm 2019 đối với bị cáo:

Lò Văn T - Tên gọi khác: không; Sinh năm: 1980; sinh tại: xã Ấ, huyện M, tỉnh Điện Biên. Nơi thường trú: bản P, xã P, huyện M, tỉnh Lai Châu; Nghề nghiệp: trồng trọt; Đoàn, Đảng: không; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam. Con ông: Lò Văn P – đã chết; Con bà: Lò Thị H – Sinh năm: 1944; có vợ: Lò Thị Kh - Sinh năm: 1986 (đã ly hôn); Bị cáo có 01 con. Hiện nay chung sống với Vàng Xê X – Sinh năm: 1973, trú tại: bản P, xã P, huyện M, tỉnh Lai Châu. Tiền án: không; tiền sự: không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/06/2019 đến ngày 15/6/2019 được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú - Có mặt tại phiên tòa.

* Người bào chữa cho bị cáo: Ông Phan Văn Nhật – Luật sư, cộng tác viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Lai Châu – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN;

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 05/6/2019, Lò Văn T điều khiển xe mô tô từ bản P, huyện M, tỉnh Lai Châu đến bản N, xã N, huyện M, tỉnh Lai Châu với mục đích đi tìm mua thuốc phiện về sử dụng. Khi T đi đến đầu bản N, xã N thì gặp một người phụ nữ dân tộc La Hủ, qua trao đổi về việc mua thuốc phiện, người phụ nữ này đã dẫn T về nhà bán cho T 01 gói thuốc phiện với giá 500.000đồng. Mua bán xong T

mượn bộ bàn đèn của người phụ này lấy gói thuốc phiện ra hút một ít, sử dụng xong thuốc phiện T điều khiển xe mô tô đi về nhà. Về đến nhà, T tiếp tục lấy gói thuốc phiện ra sử dụng, sử dụng xong thuốc phiện, T đi ngủ. Đến sáng ngày 06/06/2019, T lấy số thuốc phiện còn lại chia làm hai gói nhỏ, gói vào mảnh ni lon màu đỏ, rồi lấy một gói cho vào lọ nhựa màu trắng giấu vào túi áo của vợ T treo bên cạnh giường ngủ. Gói thuốc phiện còn lại, T tiếp tục lần bộ bàn đèn ra tiếp tục hút. Đến 9 giờ cùng ngày khi T đang nằm hút thuốc phiện thì bị Tổ công tác Đoàn biên Phòng Pa Ủ phối hợp với Tổ công tác Công an huyện Mường Tè phát hiện, bắt quả tang, thu giữ 02 gói chất nhựa dẻo, màu nâu đen, có mùi hắc; 01 bộ bàn đèn tự tạo; 01 lọ nhựa màu trắng.

Qua xác định khối lượng và giám định chất ma túy, đã xác định 02 gói chất nhựa dẻo, màu nâu đen, có mùi hắc thu giữ của Lò Văn T có tổng khối lượng là 6,42 gam. Tại bản kết luận giám định số: 276/GĐ-KTHS, ngày 11/6/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lai Châu kết luận, 02 mẫu chất dẻo, màu nâu đen, có mùi hắc thu giữ của Lò Văn T là ma túy, loại thuốc phiện.

Tại Cáo trạng số: 58/CT- VKS- MT, ngày 03 tháng 10 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Tè đã truy tố bị cáo Lò Văn T về tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*" theo điểm b khoản 1 Điều 249 BLHS.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lò Văn T phạm tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*".

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 38, điểm b khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. Xử phạt bị cáo Lò Văn T từ 01 năm 02 tháng tù đến 01 năm 08 tháng tù. Về hình phạt bổ sung đề nghị Hội đồng xét xử xem xét không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo, vì bị cáo có điều kiện kinh tế khó khăn. Về vật chứng đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS. Tịch thu tiêu hủy gồm: 4,4 gam thuốc phiện còn lại sau giám định; 01 chiếc lọ nhựa màu trắng; 01 bộ bàn đèn dùng để hút thuốc phiện.

Người bào chữa cho bị cáo Lò Văn T trình bày luận cứ bào chữa. Sau khi phân tích về nguyên nhân, động cơ, mục đích, hành vi phạm tội, mức độ nguy hiểm cho xã hội. Người bào chữa nhất trí với tội danh mà Kiểm sát viên đề nghị. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, trình độ học vấn thấp nhận thức về pháp luật còn có những hạn chế nhất định, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS cho bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức thấp nhất của khung hình phạt, đề nghị miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền và miễn án phí cho bị cáo.

Tại phiên tòa bị cáo Lò Văn T khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố, nhất trí với ý kiến bào chữa của người bào

chữa, không có ý kiến bổ sung thêm; Bị cáo nhất trí với luận tội và đề nghị của kiểm sát viên, không có ý kiến tranh luận và không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Bị cáo có ý kiến xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN;

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan Điều tra Công an huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu, Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu và Điều tra viên, Kiểm sát viên được phân công điều tra, truy tố, trong quá trình thực hiện đã tuân thủ đúng theo quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Hành vi, quyết định của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong vụ án đã thực hiện đều hợp pháp, đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo thấy rằng, do muốn có thuốc phiện để sử dụng (hút), vào ngày 05/6/2019, Lò Văn T đã đến bản N, xã N, huyện M, tỉnh Lai Châu tìm mua thuốc phiện, tại bản N, xã N, T đã mua được 01 gói thuốc phiện với số tiền là 500.000đồng. Mua được thuốc phiện T đã lấy một ít trong gói thuốc phiện ra hút. Hút xong thuốc phiện, T đi về nhà, khi về đến nhà T tiếp tục lấy gói thuốc phiện ra sử dụng tiếp. Đến sáng ngày hôm sau khi ngủ dậy, T lấy số thuốc phiện còn lại chia làm 02 gói nhỏ, cất giấu 01 gói vào một lọ nhựa màu trắng rồi giấu vào túi áo của vợ T đang treo bên cạnh giường ngủ. Gói thuốc phiện còn lại tiếp tục sử dụng, đến 09 giờ ngày 06/6/2019, khi T đang sử dụng thuốc phiện thì bị phát hiện, bắt quả tang thu giữ 01 gói thuốc phiện tại nơi T đang hút thuốc phiện và 01 gói thuốc phiện được đựng trong 01 chiếc lọ nhựa màu trắng được giấu trong một chiếc áo treo bên cạnh giường ngủ của T, 02 gói thuốc phiện thu giữ của Lò Văn T có tổng khối lượng 6,42 gam. Ngoài ra còn thu giữ của T 01 bộ bàn đèn tự tạo, 01 lọ nhựa màu trắng.

Như vậy, khẳng định hành vi của Lò Văn T đã đủ yếu tố cấu thành tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*" theo điểm b khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự, khoản 1 Điều 249 BLHS có mức hình phạt tù từ 01 năm đến 05 năm. Do vậy, Cáo trạng số: 58/CT - VKS - MT, ngày 03 tháng 10 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Tè truy tố đối với Lò Văn T về tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*" theo điểm b khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo, thấy rằng bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, bị cáo nhận thức rõ việc mua thuốc phiện về tàng trữ là vi phạm pháp luật, nhưng do nghiện thuốc phiện, nên bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội.

Hành vi của bị cáo đã xâm phạm vào chính sách độc quyền về quản lý các chất ma túy của Nhà nước, ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội tại địa phương.

[4] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Về nhân thân, bị cáo Lò Văn T có nơi cư trú rõ ràng, chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo là người nghiện chất ma túy.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy rằng, bị cáo Lò Văn T luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo là người dân tộc thiểu số, trình độ học vấn thấp, do vậy nhận thức pháp luật còn có những hạn chế nhất định, đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS cần được áp dụng cho bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ và tại phiên tòa, thấy rằng bị cáo Lò Văn T làm nghề trồng trọt, hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không có điều kiện thi hành, Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Trong vụ án này còn có một người phụ nữ dân tộc La Hủ đã bán thuốc phiện cho Lò Văn T, nhưng T lại không biết họ tên, địa chỉ cụ thể của người này, nên không có cơ sở để điều tra, xử lý được đối với người này. Đối với Vàng Xê X (vợ của Lò Văn T), T cất giấu gói thuốc phiện trong túi áo, nhưng X không biết, do vậy không đủ cơ sở để xử lý đối với Vàng Xê X.

[6] Về vật chứng của vụ án: Đối với 4,4 gam thuốc phiện thu giữ còn lại sau giám định; 01 bộ bàn đèn dùng để hút thuốc phiện và 01 hộp nhựa màu trắng, có 04 cạnh, mỗi cạnh dài 2,5cm; cao 7,5 cm (hộp đã qua sử dụng), đây là chất cấm lưu hành và công cụ phạm tội cần phải tịch thu tiêu hủy.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS và Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14, ngày 30/6/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về án phí, lệ phí. Buộc bị cáo Lò Văn T phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên và một phần ý kiến đề nghị của người bào chữa là có căn cứ cần phải chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH;

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 50, điểm a, c khoản 1 Điều 47 BLHS và điểm a khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/6/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về án phí, lệ phí.

1. Tuyên bố bị cáo Lò Văn T phạm tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*".
Xử phạt bị cáo Lò Văn T **01** (một) năm **04** (bốn) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo tự nguyện đi chấp hành hoặc bị bắt đi thi hành được khấu trừ thời gian tạm giữ là 09 ngày, kể từ 09 giờ 45 phút ngày 06/6/2019 đến 09 giờ 45 phút ngày 15/6/2019.

2. Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy gồm: 4,4 gam thuốc phiện còn lại sau giám định; 01 bộ bàn đèn tự tạo dùng để hút thuốc phiện; 01 hộp nhựa màu trắng, có 04 cạnh, mỗi cạnh dài 2,5cm; cao 7,5 cm (hộp đã qua sử dụng).

Toàn bộ những vật chứng trên hiện đang được thu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu, theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 08/10/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu.

3. Về án phí: Buộc bị cáo Lò Văn T phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm

Án xử công khai, có mặt bị cáo, bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án lên Toà án nhân dân tỉnh Lai Châu để xem xét theo thủ tục phúc thẩm./

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- Công an huyện;
- Thi hành án hình sự;
- VKSND huyện;
- Thi hành án dân sự huyện;
- Sở Tư pháp;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà
Đã ký
Đỗ Mạnh Trang

